

Số: 228 /SVHTTDL-QLTDTT  
V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình đề nghị  
xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh

*Bắc Kạn, ngày 11 tháng 3 năm 2021*

Kính gửi:

- Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ VHTTDL;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn;
- Các Sở, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 22/1/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh Bắc Kạn năm 2021, trong đó có nội dung lập Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập hồ sơ dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Để hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trước khi gửi Sở Tư pháp và cơ quan chức năng thẩm định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn trân trọng đề nghị:

1. Đề nghị Tổng cục Thể dục thể thao; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn; các Sở, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh cho ý kiến đóng góp đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Kạn soạn thảo (đề

ngợi các đơn vị đóng góp ý kiến trọng tâm về nội dung chi, định mức chi, đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Đề cương Nghị quyết gửi kèm).

Ý kiến đóng góp (bằng văn bản) của các đơn vị, địa phương vui lòng gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước **ngày 22/3/2021**.

2. Đề nghị Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết lên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong vòng 30 ngày (từ ngày 11/3/2021 đến 11/4/2021) để lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân liên quan góp ý cho Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết (hộp mail công vụ nhận ý kiến đóng góp: lieubv.svh@backan.gov.vn).

(Gửi kèm theo Công văn này gồm: Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết; Đề cương dự thảo Nghị quyết; Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết; Bản thuyết đề nghị xây dựng Nghị quyết).

Trân trọng đề nghị các đơn vị quan tâm cho ý kiến./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BGĐ Sở;
- Phòng VH-TT; Trung tâm VH-TTTT các huyện, thành phố;

*Gửi bản giấy:*

- Lưu: VT, QLTDĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Chương**



UBND TỈNH BẮC KẠN  
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: /BC-SVHTTDL  
DỰ THẢO

Bắc Kạn, ngày tháng 3 năm 2021

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

### **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

#### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

- Hiện nay, quy định về mức thưởng vật chất đối với huấn luyện viên, vận động viên (HLV, VĐV) lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh đang được thực hiện theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh về việc quy định mức thưởng vật chất đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh và được xây dựng theo Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 6/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu; Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 6/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu. Tuy nhiên, hiện tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 đang tồn tại một số hạn chế, bất cập và trái với Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, cụ thể như sau:

+ Các căn cứ của Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh đã hết hiệu lực thi hành, do vậy Quyết định này không còn đảm bảo tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật (*Luật HĐND và UBND ngày 26/3/2003 được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu và Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ VHTTDL hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày 24/12/2018*).

+ Chưa quy định mức thưởng dành cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao cấp khu vực (trong nước) và các giải thể thao các cấp dành cho người khuyết tật.

+ Chưa quy định mức thưởng phân loại theo tính chất chuyên môn của giải thể thao thành tích cao và giải thể thao quần chúng, phân loại độ tuổi đối với các lứa tuổi trẻ (U11, U13, U15...) và phân cấp bậc học đối với các đối tượng học sinh (cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)... nên chưa tạo ra tính công bằng, tính cạnh tranh và chưa tạo động lực mạnh mẽ để VĐV, HLV quyết tâm trong tập luyện và thi đấu.

+ Chưa quy định mức thưởng đối với các giải thành phần phụ khác như: Giải phong cách, giải VĐV xuất sắc trong các môn thi đấu tập thể (bóng đá, bóng chuyền...); giải VĐV cao tuổi nhất, VĐV trẻ tuổi nhất, giải khuyến khích trong các môn thi đấu cá nhân (việt dã)... ở một số nội dung trao thưởng trong hệ thống thi đấu thể thao các cấp trong tỉnh và các giải thể thao khu vực, toàn quốc.

+ Một số nội dung Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 không còn phù hợp, trái với Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ về chế độ đối với HLV, VĐV lập thành tích ở môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội.

- Đối với các giải thi đấu thể thao khu vực và giải thi đấu thể thao các cấp trong tỉnh, tại điểm b, khoản 1, Điều 9 Nghị định số 152/2019/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định: *“Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chi trả tiền lương, tiền hỗ trợ...; chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của bộ, ngành, tỉnh thành phố trực thuộc trung ương”*. Đối với các giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thể thao khác, theo Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, thì HĐND cấp tỉnh: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*.

- Mặt khác, qua hơn 7 năm triển khai thực hiện, do tác động của sự biến động giá cả thực tế ảnh hưởng đến thực hiện chế độ, chỉ số giá tiêu dùng, lạm phát bình quân qua các năm đều tăng, do vậy mức chi đã không còn phù hợp với tình hình biến động về giá cả thực tế hiện nay.

Với những bất cập nêu trên, việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực, các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh Bắc Kạn là nhiệm vụ cần thiết, phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay và đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở kế thừa và điều chỉnh định mức thưởng cho HLV, VĐV tại văn bản hiện hành của tỉnh và căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành, nhằm:

a) Tạo cơ sở pháp lý đối với việc chi chế độ thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao

khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm đáp ứng với thực tiễn và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời điểm hiện tại và các năm tiếp theo.

Để thực hiện mục tiêu này, các nội dung quy định sẽ căn cứ vào Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015, kế thừa và điều chỉnh định mức thưởng cho HLV, VĐV tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh.

b) Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp của các địa phương, đơn vị theo quy định. Tạo cơ sở cho tăng cường sự quản lý, giám sát của Nhà nước đối với thực hiện chi chế độ thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Tránh tình trạng thực hiện chi chế độ thưởng vật chất không đúng quy định về nội dung chi, định mức chi không đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tiễn, không phù hợp với điều kiện hiện tại, đảm bảo việc quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp.

c) Nhằm khắc phục các tồn tại hạn chế, bất cập, đặc biệt khắc phục các điểm trái với các quy định của pháp luật hiện hành. Nhằm thực hiện chi chế độ thưởng vật chất nhằm tạo ra tính công bằng, tính cạnh tranh và tạo động lực mạnh mẽ để VĐV, HLV quyết tâm trong tập luyện và thi đấu.

### **3. Phương án giải quyết**

Nhằm đạt được mục tiêu đề ra và giải quyết được những vấn đề còn bất cập đã nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định mức thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được triển khai theo hướng sau:

- Quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao toàn quốc và các giải thể thao trên địa bàn tỉnh (tăng mức thưởng ở 1 số hệ thống giải thể thao so với Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh), đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại thời điểm hiện tại do mặt bằng thị trường đã có nhiều biến động.

- Quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao cấp khu vực, giải thể thao toàn quốc dành cho người khuyết tật (chưa có trong Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh).

- Quy định mức một số giải thưởng phụ trong hệ thống giải thi đấu thể thao cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao toàn quốc, khu vực và các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn: Giải phong cách, giải khuyến khích cho các tập thể, giải giành cho các VĐV xuất sắc của các môn thi đấu tập thể; giải khuyến khích giành cho các VĐV thi đấu môn cá nhân... (chưa có trong Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh).

Quy trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

**1. Chính sách 1: Quy quy định mức thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn** (tăng mức thưởng ở giải toàn quốc và các giải thể thao trên địa bàn tỉnh so với Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh)

### 1.1. Xác định vấn đề chưa phù hợp

Tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh quy định mức thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh Bắc Kạn, tuy nhiên định mức chi đã được áp dụng trong một khoảng thời gian tương đối dài và nay đã không còn thực sự phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở thời điểm hiện tại, không còn đáp ứng được yêu cầu thực tế do sự biến động về giá cả, mức lương cơ sở... đã có nhiều biến động tăng lên. Vì vậy, cần tăng mức thưởng đối với HLV, VĐV đạt thành tích nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp ở thời điểm hiện tại và các năm tiếp theo.

### 1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ sở pháp lý đối với việc chi mức thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm đáp ứng với thực tiễn và phù hợp với điều kiện của tỉnh. Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp cho các giải thi đấu thể thao của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ.

### 1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên mức thưởng đối với lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn so với Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh.

b) Giải pháp 2: Quy định và tăng mức thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn so với Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh. Cụ thể:

- Đối với giải toàn quốc:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| TT | Tên giải                                    | Mức đang thực hiện (bình quân cả bộ huy chương) | Mức đề xuất tại NQ (bình quân cả bộ huy chương) | Tỷ lệ tăng thêm (so với giai đoạn 2017-2019) |
|----|---|---|---|--|
| I  | <b>Giải thi đấu thể thao thành tích cao</b> |   |   |  |

|           |   |             |        |                    |
|-----------|---|-------------|--------|--------------------|
| 1         | Đại hội TDTT  | 6.160       | 10.660 | Tăng 73 %          |
| 2         | Giải vô địch quốc gia từng môn  | 3.660       | 5.660  | Tăng 55 %          |
| 3         | Giải cúp quốc gia, giải vô địch CLB, giải các VĐV xuất sắc không phân chia lứa tuổi | 3.660       | 4.330  | Tăng 18,3%         |
| 4         | Giải vô địch trẻ; giải có phân chia lứa tuổi  | 1.380       | 1.980  | Tăng 43,5%         |
| <b>II</b> | <b>Giải thi đấu thể thao quần chúng</b>   |             |        |                    |
| 1         | Hội thi thể thao, các giải thể thao từng môn (không phân chia lứa tuổi)             | 933         | 1.360  | Tăng 45,6%         |
| 2         | Các giải thể thao quần chúng có phân chia lứa tuổi                                  | Chưa có mức | 510    | Tăng 100% (nếu có) |

- Đối với giải khu vực:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| TT        | Tên giải  | Mức đang thực hiện (bình quân cả bộ huy chương) | Mức đề xuất tại Nghị quyết (bình quân cả bộ huy chương) | Tỷ lệ tăng thêm (so với giai đoạn 2017-2019) |
|-----------|---|---|---|--|
| <b>I</b>  | <b>Giải thi đấu thể thao thành tích cao</b>   |   |   |  |
| 1         | Giải cúp, giải câu lạc bộ, giải các VĐV thể thao xuất sắc (không phân chia lứa tuổi)                      | Chưa có   | 4.330   | Tăng 100% (nếu có VĐV được thưởng)           |
| 2         | Giải vô địch trẻ; giải từng môn thể thao có phân chia lứa tuổi  | Chưa có   | 933   | Tăng 100% (nếu có VĐV được thưởng)           |
| <b>II</b> | <b>Giải thi đấu thể thao quần chúng</b>   |   |   |  |
| 1         | Giải thể thao trong Ngày hội VHTTDL vùng Đông Bắc, Chương trình du lịch qua những miền di sản Việt Bắc... | 933   | 933   | Tăng 0 %                                     |
| 2         | Giải thể thao từng môn có phân chia nhóm tuổi   | Chưa có   | 354   | Tăng 100 % (nếu có VĐV được thưởng)          |

- Đối với giải các cấp trên địa bàn tỉnh:

| TT       | Tên giải  | Mức đang thực hiện (bình quân cả bộ huy chương) | Mức đề xuất tại Nghị quyết (bình quân cả bộ huy chương) | Tỷ lệ tăng, giảm thêm (so với giai đoạn 2017-2019) |
|----------|---|---|---|--|
| <b>I</b> | <b>Cấp tỉnh</b>                                     |   |   |  |
| 1        | Đại hội TDTT, Giải vô địch từng môn thể thao        | 467   | 733   | Tăng 57 %  |
| 2        | Hội thi thể thao, giải thể thao quần chúng từng môn | 467   | 467   | Tăng 0 %   |



|            |                                      |         |         |           |
|------------|--------------------------------------|---------|---------|-----------|
| 3          | Giải thể thao theo lứa tuổi          | 330     | 276     | Giảm 20%  |
|            | <b>Tổng cộng:</b>                    |         |         |           |
| <b>II</b>  | <b>Cấp huyện</b>                     |         |         |           |
|            | Đại hội TDTT, Giải từng môn thể thao | 219.000 | 350.000 | Tăng 59 % |
| <b>III</b> | <b>Cấp xã</b>                        |         |         |           |
|            | Đại hội TDTT, Giải từng môn thể thao | 168.000 | 250.000 | Tăng 49 % |

#### 1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

##### a) Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế: Giải pháp có tiết kiệm về kinh phí, tuy nhiên hiện nay các chế độ chi mức thưởng đối với HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh Bắc Kạn là thấp, chưa tạo ra tính cạnh tranh và chưa tạo động lực mạnh mẽ để VĐV, HLV quyết tâm trong tập luyện và thi đấu.

- Tác động về xã hội: Mức thưởng đối với HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh hiện nay là không đảm bảo cho nhu cầu chi phí khi thực hiện nhiệm vụ, từ đó chưa tạo ra tính cạnh tranh và chưa tạo động lực mạnh mẽ để VĐV, HLV quyết tâm trong tập luyện và thi đấu, từ đó ảnh hưởng đến thành tích và sự phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh.

##### b) Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế: Việc điều chỉnh quy định chính sách này sẽ làm phát sinh thêm kinh phí thưởng đối với HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh Bắc Kạn, tuy nhiên với xu thế phát triển của nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh cũng như nguồn ngân sách nhà nước trung ương thì việc điều chỉnh, nâng định mức chi thưởng sẽ tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy việc nâng cao thành tích thi đấu thể thao, góp phần tích cực vào việc phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh.

- Tác động về xã hội:

+ Giải pháp này đảm bảo thực hiện chủ trương, định hướng của Tỉnh ủy Bắc Kạn về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020, và Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm phấn đấu đảm bảo các chỉ tiêu về thể thao thành tích cao và TDTT quần chúng trong toàn tỉnh.

+ Là cơ sở pháp lý để các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tham gia các hoạt động TDTT đặc biệt trong tham gia các giải thể thao, huy động nguồn lực thực hiện xã hội hóa các hoạt động TDTT, góp phần thúc đẩy phong trào TDTT trong toàn tỉnh.

#### 1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích đánh giá các tác động của các chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp 2 nhằm khắc phục các

hạn chế của quy định hiện hành, đạt được mục tiêu của ngành, phù hợp với quy định của pháp luật.

Để giải quyết vấn đề bất cập nêu trên, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, trong đó tăng mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn so với mức thưởng so với Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh để đảm bảo phù hợp với biến động của giai đoạn hiện nay.

**2. Chính sách 2: Quy định mức thưởng một số giải phụ đối với VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn** (giải phong cách, giải khuyến khích cho tập thể, giải dành cho VĐV xuất sắc của các môn thi đấu tập thể; giải khuyến khích cho VĐV trong các môn thi đấu cá nhân)

### 2.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh chưa quy định mức thưởng một số giải phụ cho VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, do đó chưa tạo động lực mạnh mẽ để khuyến khích VĐV quyết tâm trong tập luyện và thi đấu, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh. Vì vậy, việc quy định mức thưởng một số giải phụ cho VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn và phù hợp hệ thống thi đấu tại các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh.

### 2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ sở pháp lý đối với việc chi chế độ thưởng một số giải phụ cho VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm đáp ứng nhiệm vụ thực tiễn và phù hợp hệ thống thi đấu tại các giải thi đấu thể thao. Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp.

### 2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Không quy định mức thưởng một số giải phụ cho VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

b) Giải pháp 2: Quy định mức thưởng một số giải phụ cho VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể:

| TT | Tên giải | Mức đang thực hiện |         | Mức đề xuất tại NQ |         | Tỷ lệ tăng thêm (so với giai đoạn 2017-2019) |
|----|----------|--------------------|---------|--------------------|---------|--|
|    |          | Cá nhân            | Tập thể | Cá nhân            | Tập thể |  |
|    |          |                    |         |                    |         |  |

|   |                |         |         |                                     |  |                               |
|---|----------------|---------|---------|-------------------------------------|--|-------------------------------|
| 1 | Giải toàn quốc | Chưa có | Chưa có | = 50% huy chương đồng giải cá nhân. | = 50% của huy chương đồng giải tập thể | 100% (nếu có VĐV được thưởng) |
| 2 | Giải khu vực   | Chưa có | Chưa có | = 50% huy chương đồng giải cá nhân. | = 50% của huy chương đồng giải tập thể | 100% (nếu có VĐV được thưởng) |
| 3 | Giải cấp tỉnh  | Chưa có | Chưa có | = 50% huy chương đồng giải cá nhân. | = 50% của huy chương đồng giải tập thể | 100% (nếu có VĐV được thưởng) |
| 4 | Giải cấp huyện | Chưa có | Chưa có | = 70% giải cấp tỉnh                 | = 70% giải cấp tỉnh                    | 100% (nếu có VĐV được thưởng) |
| 5 | Giải cấp xã    | Chưa có | Chưa có | = 50% giải cấp tỉnh                 | = 50% giải cấp tỉnh                    | 100% (nếu có VĐV được thưởng) |

## 2.4. Đánh giá tác động của giải pháp

### a) Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế: Giải pháp này không tăng chi phí ngân sách nhà nước, tuy nhiên không đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn và phù hợp hệ thống thi đấu tại các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh.

- Tác động về xã hội: Giải pháp này không đáp ứng được yêu cầu thực tế do quy định của điều lệ các giải đấu trong hệ thống thi đấu tại các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh, nên ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị tham gia các giải thi đấu thể thao, không khuyến khích được các đối tượng tham gia, không đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh, từ đó có thể ảnh hưởng chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### b) Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế: Việc quy định chính sách này sẽ làm phát sinh thêm chi phí chi cho VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên khuyến khích được các đối tượng tham gia, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

- Tác động về xã hội:

+ Giải pháp này đảm bảo thực hiện chủ trương, định hướng của tỉnh nhằm phân đấu đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực TDTT của tỉnh.

+ Là cơ sở pháp lý nhằm khuyến khích VĐV đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tham gia các hoạt động TDTT của tỉnh, đặc biệt nhằm thực hiện các quy định của điều lệ các giải đấu trong hệ thống thi đấu tại các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh, từ đó hoàn thành chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích đánh giá các tác động của các chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp 2 nhằm khắc phục các hạn chế của quy định hiện hành, đạt được mục tiêu của ngành phù hợp với chủ trương, chính sách của tỉnh.

Đề giải quyết vấn đề bất cập nêu trên, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, trong đó quy định mức thưởng một số giải phụ cho VĐV đạt thành tích theo quy định của điều lệ các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.

### **3. Chính sách 3: Quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực dành cho người khuyết tật**

#### 3.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh chưa quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật, chưa đảm bảo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu, do đó cần quy định để đảm bảo chế độ cho HLV, VĐV.

#### 3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ sở pháp lý đối với việc chi chế độ thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao toàn quốc dành cho người khuyết tật nhằm đáp ứng với thực tiễn, đặc biệt ý nghĩa nhân văn đối với các đối tượng yếu thế, đối tượng dễ bị tổn thương cần chính sách xã hội hỗ trợ. Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp.

#### 3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Không quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực dành cho người khuyết tật.

b) Giải pháp 2: Quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực dành cho người khuyết tật. Cụ thể:

Mức tiền thưởng dành cho HLV, VĐV tỉnh Bắc Kạn lập thành tích tại đại hội thể thao, hội thi thể thao, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật khu vực và toàn quốc được hưởng mức thưởng bằng mức thưởng đối với các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng tương ứng, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| <b>TT</b> | <b>Tên giải</b>   | <b>Mức đang thực hiện</b> (bình quân cả bộ huy chương) | <b>Mức đề xuất tại NQ</b> (bình quân cả bộ huy chương) | <b>Tỷ lệ tăng thêm hàng năm kỳ sau</b>                           |
|-----------|---|--|--|--|
| <b>I</b>  | <b>Giải toàn quốc</b>   |  |  |  |
| 1         | Hội thi thể thao, các giải thể thao từng môn...(không phân chia lứa tuổi) | Chưa có  | 4.330  | Chưa có VĐV tham gia thi đấu nên chưa xác định được số tăng thêm |
| 2         | Các giải thể thao có phân chia lứa tuổi                                   | Chưa có  | 933  | Chưa có VĐV tham gia thi đấu nên chưa xác định được số tăng thêm |

| <b>II Giải khu vực</b> |   |         |     |  |
|------------------------|---|---------|-----|--|
| 1                      | Hội thi thể thao, Giải thể thao từng môn (không phân chia lứa tuổi) | Chưa có | 933 | Chưa có VĐV tham gia thi đấu nên chưa xác định được số tăng thêm |
| 2                      | Giải thể thao từng môn có phân chia nhóm tuổi                       | Chưa có | 354 | Chưa có VĐV tham gia thi đấu nên chưa xác định được số tăng thêm |

### 3.4. Đánh giá tác động của giải pháp

#### a) Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế: Giải pháp này không tăng chi phí ngân sách nhà nước, tuy nhiên không đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn và không đảm bảo hệ thống pháp lý cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách khi tham gia hoạt động này.

- Tác động về xã hội: Giải pháp này không đáp ứng được yêu cầu thực tế khi HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao toàn quốc dành cho người khuyết tật theo quy định của hệ thống thi đấu tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, nên ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị tham gia các giải thi đấu thể thao, đặc biệt giải pháp này không bao hàm ý nghĩa nhân văn đối với các đối tượng yếu thế, đối tượng dễ bị tổn thương cần chính sách xã hội hỗ trợ, không đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

#### b) Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế: Việc quy định chính sách này sẽ làm phát sinh thêm chi phí chi cho HLV, VĐV của tỉnh lập thành tích tại các giải thể thao toàn quốc dành cho người khuyết tật. Tuy nhiên mức thưởng bằng mức thưởng đối với các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng tương ứng quy định đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao khu vực và toàn quốc. Mặt khác các giải này được tổ chức với số lượng rất ít nên chi phí phát sinh không nhiều (mỗi năm 01 giải; chu kỳ của đại hội thể thao là 4 năm một lần).

- Tác động về xã hội:

+ Giải pháp này đảm bảo thực hiện chủ trương, định hướng của Tỉnh uỷ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020, nhằm phấn đấu đảm bảo các chỉ tiêu về TDTT của tỉnh.

+ Giải pháp này nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tế do quy định của hệ thống thi đấu tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của tỉnh, đặc biệt nhằm bao hàm ý nghĩa nhân văn đối với các đối tượng yếu thế, đối tượng dễ bị tổn thương cần chính sách xã hội hỗ trợ, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

### 3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích đánh giá các tác động của các chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp 2 nhằm khắc phục các hạn chế của quy định hiện hành, đạt được mục tiêu của tỉnh.

Đề giải quyết vấn đề bất cập nêu trên, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, trong đó Quy định mức thưởng cho HLV, VĐV của tỉnh lập thành tích tại các giải thể thao toàn quốc dành cho người khuyết tật đảm bảo yêu cầu của giai đoạn hiện nay.

### **III. LẤY Ý KIẾN**

*(Cơ quan soạn thảo sẽ hoàn chỉnh sau khi hoàn thành việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan).*

### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, HĐND và đại biểu HĐND các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **V. PHỤ LỤC**

*(Có các biểu tính chi phí của các giải pháp trong Bản thuyết minh gửi kèm theo)*

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách Nghị quyết quy định mức thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

#### ***Nơi nhận :***

- UBND tỉnh (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- BGD sở;
- Lưu: VT, hồ sơ lấy ý kiến.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Chương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: /TTr-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2021

**DU THẢO**

## **TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực, các giải thi đấu thể thao toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên (sau đây viết tắt là HLV, VĐV) đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh Bắc Kạn, như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

- Hiện nay, quy định về mức thưởng vật chất đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh đang được thực hiện theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thưởng vật chất đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh và được xây dựng trên cơ sở của Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 6/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với HLV, VĐV thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu; Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động TB và Xã hội, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 6/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với HLV, VĐV thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu. Tuy nhiên, hiện tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 đang tồn tại một số hạn chế, bất cập và trái với Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, cụ thể:

+ Các căn cứ của Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh đã hết hiệu lực thi hành, do vậy Quyết định này không còn đảm bảo tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật (*Luật HĐND và UBND ngày 26/3/2003 được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày*

19/6/2015; Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với HLV, VĐV thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu và Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ VHTTDL hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày 24/12/2018 bởi Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ).

+ Chưa quy định mức thưởng dành cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao cấp khu vực (trong nước) và các giải thể thao các cấp dành cho người khuyết tật.

+ Chưa quy định mức thưởng phân loại theo tính chất chuyên môn của giải thể thao thành tích cao và giải thể thao quần chúng, chưa phân loại độ tuổi đối với các lứa tuổi trẻ (U11, U13, U15...) và phân cấp bậc học đối với các đối tượng học sinh (cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)... nên chưa tạo ra tính công bằng, tính cạnh tranh và chưa tạo động lực mạnh mẽ để VĐV, HLV quyết tâm trong tập luyện và thi đấu.

+ Chưa quy định mức thưởng đối với các giải thành phần phụ khác như: Giải phong cách, giải VĐV xuất sắc trong các môn thi đấu tập thể (bóng đá, bóng chuyền...), giải VĐV cao tuổi nhất, VĐV trẻ tuổi nhất, giải khuyến khích... ở một số nội dung trao thưởng trong hệ thống thi đấu thể thao các cấp trong tỉnh và các giải thể thao khu vực, toàn quốc.

+ Một số nội dung của Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 không còn phù hợp, có điểm trái với Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ về chế độ đối với HLV, VĐV lập thành tích ở môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội.

- Mặt khác, qua hơn 7 năm triển khai thực hiện, hiện nay định mức chi đã không còn phù hợp với tình hình biến động về giá cả thực tế hiện nay, cụ thể:

+ Căn cứ trên cơ sở do tác động của sự biến động mức lương cơ sở ảnh hưởng đến chế độ của VĐV, HLV, cụ thể: Năm 2014 mức lương cơ sở là 830.000đ/ tháng; năm 2018 mức lương cơ sở tăng là 1.390.000đ/ tháng; năm 2019 mức lương cơ sở tăng là 1.490.000đ/ tháng. Như vậy mức lương cơ sở năm 2019 đã tăng 660.000đ/ tháng so với năm 2014.

+ Căn cứ trên cơ sở do tác động của sự biến động giá cả thực tế ảnh hưởng đến thực hiện chế độ, cụ thể: Chỉ số giá tiêu dùng qua các năm đều tăng so với năm trước: Năm 2014 tăng 4,09%; năm 2015 tăng 0,63%; năm 2016 tăng 1,72%; năm 2017 tăng 4,17% (theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, năm 2018 tăng 3,54%). Lạm phát cơ bản bình quân năm đều tăng so với năm trước: Năm 2014 tăng 3,31%; năm 2015 tăng 2,05%; năm 2016 tăng 1,83%; năm 2017 tăng 1,41% (theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, năm 2018 tăng 1,48%).

Với lý do nêu trên thì việc UBND tỉnh tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành chính sách đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ là cần thiết và đảm bảo pháp luật hiện hành.



## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thưởng đối với HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực, quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh Bắc Kạn nhằm đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương và Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ để đảm bảo chế độ đối với HLV, VĐV từ đó kích lệ phấn đấu tập luyện lập đạt thành tích cao trong thi đấu, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Nghị quyết đảm bảo tính khả thi, phù hợp thực tiễn, đồng thời đảm bảo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với HLV, VĐV thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu. Đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về thẩm quyền ban hành văn bản, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời điểm hiện tại. Đảm bảo thực hiện thống nhất việc chi thưởng cho HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực, quốc gia và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh, đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập của văn bản hiện hành nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh về lĩnh vực thể dục thể thao.

## **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy định mức tiền thưởng đối với HLV, VĐV tỉnh Bắc Kạn lập thành tích tại đại hội thể thao, hội thi thể thao, ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch, giải thi đấu thể thao cấp khu vực và toàn quốc.

b) Quy định mức tiền thưởng cho các VĐV lập thành tích tại đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, giải thi đấu thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) HLV, VĐV được triệu tập vào đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh tham gia thi đấu tại đại hội thể thao, hội thi thể thao, ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch, giải thi đấu thể thao cấp khu vực và toàn quốc.

b) VĐV tham gia thi đấu tại đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, giải thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

d) Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng HLV, VĐV tham gia thi đấu đại hội thể thao, hội thi thể thao, ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch, giải thi đấu thể thao cấp khu vực và toàn quốc.

e) Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, giải thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Chính sách 1:** Chi trả chế độ thưởng bằng tiền cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao khu vực, toàn quốc và các giải thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**a) Mục tiêu của chính sách**

Tạo cơ sở pháp lý đối với việc chi mức thưởng đối với HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh Bắc Kạn nhằm đảm bảo quy định của Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ và đáp ứng với thực tiễn, phù hợp với điều kiện của tỉnh. Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự, thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp cho các giải thi đấu thể thao của tỉnh.

**b) Nội dung của chính sách**

Quy định mức thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao khu vực, các giải thể thao toàn quốc và các giải thể thao trên địa bàn tỉnh.

**c) Giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn**

Quy định mức thưởng cụ thể như sau:

- Quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao toàn quốc: Tăng từ 18,3% - 73% so với Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND.

- Quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao khu vực: Không tăng so với mức đang thực hiện.

- Quy định mức thưởng cho VĐV lập thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh: Tăng từ 20% - 57% so với Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND.

- Quy định mức thưởng cho VĐV lập thành tích tại các giải thể thao cấp huyện: Tăng 59 % so với mức các địa phương đang thực hiện.

- Quy định mức thưởng cho VĐV lập thành tích tại các giải thể thao cấp xã: Tăng 49 % so với mức các địa phương đang thực hiện.

*(Có số liệu cụ thể trong bản thuyết minh kèm theo).*

**d) Lý do lựa chọn giải pháp**

Giải pháp này đảm bảo thực hiện chủ trương, định hướng của tỉnh tại Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và đảm bảo quy định Nghị định số 152/2019/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ để đảm bảo chế độ đối với HLV, VĐV từ đó khích lệ phấn đấu tập luyện lập đạt thành tích cao trong thi đấu, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Chính sách 2:** Chi trả chế độ thưởng bằng tiền đối với HLV, VĐV đạt thành tích ở một số giải phụ trong hệ thống thi đấu các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên đại bàn tỉnh.

**a) Mục tiêu của chính sách**

Tạo cơ sở pháp lý, đảm bảo thống nhất việc chi chế độ đối với HLV, VĐV đạt thành tích ở một số giải phụ trong hệ thống giải thi đấu tại các giải thi đấu

thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thực tế, phù hợp với điều kiện xã hội trong thời điểm hiện tại và phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương. Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp cho việc chi thưởng.

#### **b) Nội dung của chính sách**

Quy định mức thưởng một số giải phụ cho HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh.

#### **c) Giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn**

Quy định mức thưởng cụ thể như sau:

- Đối với giải phong cách, giải khuyến khích cho môn tập thể: Mức thưởng các giải phụ cho tập thể bằng 50% mức thưởng của huy chương đồng giải tập thể tương ứng.

- Đối với giải khuyến khích cho cá nhân trong các môn thi đấu tập thể (VĐV xuất sắc, VĐV cao tuổi nhất, VĐV trẻ tuổi nhất...): Mức thưởng các giải phụ cho cá nhân của các môn thể thao tập thể bằng 50% mức thưởng huy chương đồng của giải cá nhân tương ứng. *(Có số liệu cụ thể trong bản thuyết minh kèm theo).*

#### **d) Lý do lựa chọn**

Giải pháp này đảm bảo thực hiện chủ trương, định hướng của tỉnh, nhằm phân đầu đảm bảo các chỉ tiêu về thể dục thể thao của tỉnh và Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 trong việc chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thực tế của hệ thống giải thi đấu tại các giải thi đấu thể thao cấp khu vực, toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.

**3. Chính sách 3:** Chi trả chế độ thưởng bằng tiền cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao khu vực và toàn quốc dành cho người khuyết tật.

#### **a) Mục tiêu của chính sách**

Tạo cơ sở pháp lý đối với việc chi chế độ đối với HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thể thao toàn quốc dành cho người khuyết tật nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thực tế và phù hợp với Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, đặc biệt ý nghĩa nhân văn đối với các đối tượng yếu thế, đối tượng dễ tổn thương cần tiếp cận với các chính sách xã hội. Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự, thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp cho việc chi thưởng.

#### **b) Nội dung của chính sách**

Quy định mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thể thao khu vực và toàn quốc dành cho người khuyết tật.

#### **c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn**

Quy định mức thưởng cụ thể: Mức thưởng đối với HLV, VĐV đạt thành tích tại các giải thể thao toàn quốc dành cho người khuyết tật khu vực và toàn quốc được hưởng mức thưởng bằng mức thưởng đối với các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng tương ứng.

*(Có số liệu cụ thể trong bản thuyết minh kèm theo).*

#### **d) Lý do lựa chọn**

Giải pháp này nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thực tế và phù hợp với Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thực tế của hệ thống thi đấu tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc dành cho người khuyết tật.

### **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực:** Ngân sách Nhà nước cấp.

**2. Điều kiện đảm bảo:** Tổng số kinh phí tăng hằng năm là: **827.100.000đ**  
*(có trong bản thuyết minh kèm theo).*

### **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Trình thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thứ ....., khóa .... Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực, các giải thi đấu thể thao toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở VH TT & DL;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Long Hải**

**UBND NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DƯ THẢO**

**ĐỀ CƯƠNG**

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**  
*(Kèm theo Tờ trình số.../TTr-UBND ngày ... tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên  
Lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHOÁ ..., KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc đề nghị ban hành ban hành Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy định mức tiền thưởng dành cho huấn luyện viên, vận động viên (sau đây viết tắt là HLV, VĐV) tỉnh Bắc Kạn lập thành tích tại đại hội thể thao, hội

thi thể thao, ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch, giải thi đấu thể thao cấp khu vực và toàn quốc.

b) Quy định mức tiền thưởng cho các VĐV lập thành tích tại đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, giải thi đấu thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) HLV, VĐV được triệu tập vào đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh tham gia thi đấu tại đại hội thể thao, hội thi thể thao, ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch, giải thi đấu thể thao cấp khu vực và toàn quốc.

b) VĐV tham gia thi đấu tại đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, giải thi đấu thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

d) Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng HLV, VĐV tham gia thi đấu đại hội thể thao, hội thi thể thao, ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch, giải thi đấu thể thao cấp khu vực và toàn quốc.

e) Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, giải thi đấu thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## Điều 2. Mức tiền thưởng

### 1. Đối với vận động viên

a) Mức thưởng đối với môn thể thao thi đấu cá nhân (thi đấu đơn, đôi)

Tại các giải thể thao toàn quốc:

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT        | Tên giải  | Mức thưởng                     |                              |                              |             |
|-----------|---|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------|
|           |   | Huy chương vàng<br>(Giải nhất) | Huy chương bạc<br>(Giải nhì) | Huy chương đồng<br>(Giải ba) | Phá kỷ lục  |
| <b>I</b>  | <b>Giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao</b>                                      |                                |                              |                              |             |
| 1         | Đại hội thể thao toàn quốc  | 15.000.000                     | 10.000.000                   | 7.000.000                    | + 7.000.000 |
| 2         | Giải vô địch từng môn thể thao  | 8.000.000                      | 5.000.000                    | 4.000.000                    | + 4.000.000 |
| 3         | Giải cúp, giải vô địch câu lạc bộ, giải các VĐV thể thao xuất sắc... (không phân chia lứa tuổi) | 6.000.000                      | 4.000.000                    | 3.000.000                    | + 3.000.000 |
| 4         | Giải vô địch trẻ; giải từng môn thể thao có phân chia lứa tuổi thi đấu                          |                                |                              |                              |             |
| 4.1       | VĐV từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi   | 4.000.000                      | 2.500.000                    | 2.000.000                    | + 2.000.000 |
| 4.2       | VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi  | 3.200.000                      | 2.000.000                    | 1.600.000                    | + 1.600.000 |
| 4.3       | VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi  | 2.400.000                      | 1.500.000                    | 1.200.000                    | + 1.200.000 |
| 4.4       | VĐV dưới 12 tuổi  | 1.600.000                      | 1.000.000                    | 800.000                      | + 800.000   |
| <b>II</b> | <b>Giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng</b>  |                                |                              |                              |             |

|     |   |           |           |           |  |
|-----|---|-----------|-----------|-----------|--|
| 1   | Hội thi thể thao, các giải thể thao từng môn...(không phân chia lứa tuổi) | 1.800.000 | 1.300.000 | 1.000.000 |  |
| 2   | Các giải thể thao có phân chia lứa tuổi thi đấu                           |           |           |           |  |
| 2.1 | <i>VĐV thi đấu nội dung trung, cao tuổi</i>                               | 900.000   | 650.000   | 500.000   |  |
| 2.2 | <i>VĐV từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi</i>                                    | 900.000   | 650.000   | 500.000   |  |
| 2.3 | <i>VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi</i>   | 720.000   | 520.000   | 400.000   |  |
| 2.4 | <i>VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi</i>   | 540.000   | 390.000   | 300.000   |  |
| 2.5 | <i>VĐV dưới 12 tuổi</i>   | 360.000   | 260.000   | 200.000   |  |

Tại các giải thể thao khu vực:

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT        | Tên giải  | Mức thưởng                             |                                      |                                      |
|-----------|---|--|--------------------------------------|--------------------------------------|
|           |   | <i>Huy chương vàng<br/>(Giải nhất)</i> | <i>Huy chương bạc<br/>(Giải nhì)</i> | <i>Huy chương đồng<br/>(Giải ba)</i> |
| <b>I</b>  | <b>Giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao</b>  |  |                                      |                                      |
| 2         | Giải cúp, giải câu lạc bộ, giải các VĐV thể thao xuất sắc... (không phân chia lứa tuổi)   | 1.800.000                              | 1.300.000                            | 1.000.000                            |
| 3         | Giải vô địch trẻ; giải từng môn thể thao có phân chia lứa tuổi thi đấu  |  |                                      |                                      |
| 3.1       | <i>VĐV từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi</i>  | 900.000                                | 650.000                              | 500.000                              |
| 3.2       | <i>VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi</i>   | 720.000                                | 520.000                              | 400.000                              |
| 3.3       | <i>VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi</i>   | 540.000                                | 390.000                              | 300.000                              |
| 3.4       | <i>VĐV dưới 12 tuổi</i>   | 360.000                                | 260.000                              | 200.000                              |
| <b>II</b> | <b>Giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng</b>  |  |                                      |                                      |
| 1         | Giải thể thao từng môn; giải thi đấu trong Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch vùng Đông Bắc, Chương trình du lịch qua những miền di sản Việt Bắc... (không phân chia lứa tuổi) | 1.200.000                              | 900.000                              | 700.000                              |
| 2         | Giải thể thao từng môn có phân chia nhóm tuổi thi đấu   |  |                                      |                                      |
| 2.1       | <i>VĐV thi đấu nội dung trung, cao tuổi</i>   | 600.000                                | 450.000                              | 350.000                              |
| 2.2       | <i>VĐV từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi</i>  | 600.000                                | 450.000                              | 350.000                              |

|     |                                   |         |         |         |
|-----|-----------------------------------|---------|---------|---------|
| 2.3 | <i>VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi</i> | 480.000 | 360.000 | 280.000 |
| 2.4 | <i>VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi</i> | 360.000 | 270.000 | 210.000 |
| 2.5 | <i>VĐV dưới 12 tuổi</i>           | 240.000 | 180.000 | 140.000 |

Tại các giải thể thao cấp tỉnh:

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT  | Tên giải   | Mức thưởng                     |                              |                              | Phá kỷ lục |
|-----|--|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------|
|     |  | Huy chương vàng<br>(Giải nhất) | Huy chương bạc<br>(Giải nhì) | Huy chương đồng<br>(Giải ba) |            |
| 1   | Đại hội thể dục thể thao, giải vô địch từng môn thể thao | 1.000.000                      | 700.000                      | 500.000                      | + 500.000  |
| 2   | Hội thi thể thao, giải thể thao quần chúng từng môn      | 700.000                        | 500.000                      | 300.000                      |            |
| 3   | Giải thể thao có phân chia nhóm tuổi thi đấu             |                                |                              |                              |            |
| 3.1 | <i>VĐV thi đấu nội dung trung, cao tuổi</i>              | 500.000                        | 350.000                      | 250.000                      |            |
| 3.2 | <i>VĐV từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi</i>                   | 500.000                        | 350.000                      | 250.000                      | + 250.000  |
| 3.3 | <i>VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi</i>                        | 400.000                        | 280.000                      | 160.000                      | + 160.000  |
| 3.4 | <i>VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi</i>                        | 300.000                        | 210.000                      | 150.000                      | + 150.000  |
| 3.5 | <i>VĐV dưới 12 tuổi</i>                                  | 200.000                        | 140.000                      | 100.000                      | + 100.000  |

Mức thưởng cho các VĐV đạt giải phụ của môn thể thao thi đấu cá nhân bằng 50% mức thưởng của huy chương đồng cá nhân tương ứng.

b) Mức thưởng đối với các môn thể thao thi đấu tập thể

Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

Mức thưởng các giải phụ cho tập thể bằng 50% mức thưởng của huy chương đồng giải tập thể, mức thưởng các giải phụ cho cá nhân của các môn thể thao tập thể bằng 50% mức thưởng huy chương đồng của giải cá nhân tương ứng.

c) Mức thưởng đối với các môn thể thao thi đấu đồng đội

Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

d) Tại các giải thể thao cấp huyện và các ngành thuộc tỉnh, các giải cấp xã và các ngành thuộc huyện: Mức thưởng tại các giải thi đấu thể thao cấp huyện



và các ngành thuộc tỉnh bằng 70%; mức thưởng các giải thể thao cấp xã và các ngành thuộc huyện bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh.

2. Mức thưởng đối với HLV lập thành tích tại đại hội thể thao, hội thi thể thao, giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc

a) Đối với môn thể thao thi đấu cá nhân

HLV trực tiếp đào tạo VĐV lập thành tích trong các giải thi đấu có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với VĐV; đối với một HLV có nhiều VĐV đạt huy chương hoặc một VĐV đạt nhiều huy chương, mức tiền thưởng được tính bằng tổng mức thưởng của 01 huy chương cao nhất và 30% tổng mức thưởng của các huy chương còn lại.

b) Đối với môn thể thao thi đấu tập thể

HLV trực tiếp đào tạo đội tuyển lập thành tích trong các giải thi đấu thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với VĐV đạt giải nhân với số lượng HLV, theo quy định như sau: Dưới 06 VĐV tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 HLV; từ 06 đến 12 VĐV tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 HLV; từ 13 VĐV trở lên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 HLV.

c) Đối với môn thể thao thi đấu đồng đội

HLV trực tiếp đào tạo VĐV lập thành tích trong các giải thi đấu có môn hoặc nội dung thi đấu đồng đội thì mức thưởng bằng mức thưởng đối với VĐV quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này.

3. Mức tiền thưởng dành cho HLV, VĐV tỉnh Bắc Kạn lập thành tích tại đại hội thể thao, hội thi thể thao, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật khu vực và toàn quốc được hưởng mức thưởng bằng mức thưởng đối với các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng tương ứng quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

### **Điều 3. Kinh phí thực hiện**

1. Đối với các giải thể thao khu vực và toàn quốc

Cơ quan trực tiếp sử dụng HLV, VĐV tham gia các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc có trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí thực hiện chế độ thưởng đối với HLV, VĐV theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với giải thể thao trong tỉnh

Các cấp, các ngành tổ chức các giải thi đấu thể thao có trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí thực hiện chế độ thưởng đối với VĐV theo quy định tại Nghị quyết này.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban TVQH;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ; HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT huyện (thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thị phố;
- LĐVP;
- Phòng công tác ĐBQH, HĐND;
- Lưu VT, HS.

**CHỦ TỊCH**

**Phương Thị Thanh**